| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>KHU VỰC 12 - THANH HOÁ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 168/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2026
V/v: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HOÁ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Bà Vũ Thị Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Cao Duy Phục;

- Ông Trịnh Huy Phương

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1004/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 1010/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Thanh Hoá; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đinh Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Thanh Hoá; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2026, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày:*

Chị và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã B, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 12 tháng 8 năm 2013 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2025 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mặc dù đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không hàn gắn được. Từ tháng 9 năm 2024 anh Tuấn đi làm ăn không quan tâm gì đến vợ con, ít khi liên lạc điện thoại về cho vợ, con. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu ly hôn với anh Đinh Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Đinh Ánh Ng, sinh ngày 22/11/2012 và cháu Đinh Tiến Đ, sinh ngày 08/07/2023. Chị chị đề nghị giao cả hai con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Phía bị đơn anh Đinh Văn T:* Ngày 08/5/2026 anh T trình bày ý kiến:

Về hôn nhân: Anh và chị L do tự nguyện tìm hiểu. Sau thời gian tìm hiểu anh chị có đi đến kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian ngắn thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, đến nay vợ chồng đã ly thân nhau. Nay chị L đề nghị ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là cháu Đinh Ánh Ng, sinh ngày 22/11/2012 và cháu Đinh Tiến Đ, sinh ngày 08/07/2023. Con chung hiện nay đang ở cùng với anh và ông bà nội. Do anh đang đi làm ăn nên có nhờ ông bà nội ở nhà hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng. Hàng tháng anh có gửi tiền về cho ông bà chăm lo cho các cháu. Nay ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ánh Ng và cháu Tiến Đ, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh Uỷ ban nhân dân xã B ngày 08/5/2026 thể hiện: Chị L và anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã B, tỉnh Thanh Hoá, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, tỉnh Thanh Hoá (Nay là UBND xã B). Về mâu thuẫn vợ chồng, chị L và anh T không đề nghị hoà giải ở cơ sở nên chính quyền địa phương không biết. Anh T hiện nay đang đi làm ăn xa (làm gì không rõ) thỉnh thoảng trở về địa phương.

Theo Biên bản xác minh ngày 08/5/2026, bà Hà Thị Th (mẹ đẻ anh Tuấn) cung cấp thông tin như sau: Chị L và anh T kết hôn năm 2013. Anh chị kết hôn được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung. Anh T hiện nay đang đi làm, bà có nhận được các văn bản tố tụng của Toà án và đã thông tin lại cho anh T thì anh Tuấn có trao đổi lại với bà đồng ý ly hôn, tuy nhiên do bận, nên không về Tòa án giải quyết được, đề  nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị L, anh T có gửi bản tự khai về cho bà nộp hộ; Về con chung: Anh T đề nghị được nuôi cả hai con là  Đinh Ánh Ng, sinh ngày 22/11/2012 và cháu Đinh Tiến Đ, sinh ngày 08/7/2023. Do hiện nay anh đang đi làm ăn xa nên anh có nhờ ông bà nội hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng, hàng tháng anh có gửi tiền về cho ông bà đầy đủ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoảng 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Đề nghị xử cho chị L được ly hôn anh T. Về con chung, đề nghị giao cả hai con là cháu Đinh Ánh Ng và cháu Đinh Tiến Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Buộc chị L phải chịu án phí DSST theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Hà Thị L và bị đơn anh Đinh Văn T đều có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã Bá, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ nhiều lần và tống đạt các Quyết định, văn bản tố tụng cho bị đơn đảm bảo quy định tại Điều 171; Điều 177 Bộ Luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Nguyên đơn chị Hà Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Hà Thị L và anh Đinh Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống giữa chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung kể từ tháng 9/2024, đến tháng 9/2025 anh T đi làm ăn xa vợ chồng không liên lạc với nhau. Chị L yêu cầu ly hôn anh T nhất trí, tuy nhiên do anh đang đi làm ăn xa không về Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải tại Tòa án được. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị L.

[5]. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Đinh Ánh Ng, sinh ngày 22/11/2012 và cháu Đinh Tiến Đ, sinh ngày 08/7/2023. Con chung đang ở với anh T và ông bà nội, anh T có nguyện vọng nuôi cả 02 con, chị L đồng ý cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, cháu Đinh Ánh Ng cũng có nguyện vọng ở với bố. Do đó, nên giao cháu Đinh Ánh Ng và cháu Đinh Tiến Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí DSST theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Hà Thị L được ly hôn anh Đinh Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Ánh Ng, sinh ngày 22/11/2012 và cháu Đinh Tiến Đ, sinh ngày 08/7/2023 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hà Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003148, ngày 21/4/2026, nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 - Thanh Hoá. Chị L đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị L và anh Đinh Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 – Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Bá Thước;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**Vũ Thị Dung**